

# Một vài nhận xét về chữ Quốc ngữ trong các tài liệu viết tay của người nước ngoài giai đoạn 1620-1650 do Đỗ Quang Chính trích dẫn

• Dương Thị My Sa

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

## TÓM TẮT:

Giai đoạn 1620-1650 có thể xem là giai đoạn phôi thai của quá trình hình thành và phát triển chữ Quốc ngữ (CQN). Trong giai đoạn này, CQN được thể hiện chủ yếu qua các bản viết tay của các linh mục phương Tây sang nước ta truyền đạo. Những CQN đầu tiên ấy sau này được Đỗ Quang Chính lưu lại khá rõ nét trong *Lịch sử chữ Quốc ngữ* giai đoạn

1620-1659 xuất bản năm 1972 tại Sài Gòn. Cùng với những ghi chép, đánh giá của Đỗ Quang Chính, ở bài viết này, chúng tôi xin đưa ra những thống kê, nhận xét cụ thể hơn trên các phương diện: viết hoa, cách ngữ, và sự biến đổi của các thành phần cấu tạo âm tiết tiếng Việt của CQN trong các bản viết tay được trích dẫn.

**Từ khóa:** chữ Quốc ngữ, bản viết tay, sự biến đổi

1. Trong *Việt Nam văn học sử yếu* Dương Quảng Hàm có viết: “Việc sáng tác CQN chắc là một công cụ chung của nhiều người, trong đó có cả các giáo sĩ người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, và Pháp lan tây. Nhưng người có công nhất trong việc ấy là cố A-lich-son Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes), vì chính ông là người đầu tiên đem in những sách bằng CQN, thứ nhất là một cuốn tự điển khiến cho người sau có tài liệu mà học và kê cứu” (dẫn theo 6). Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến những bản viết tay của các tác giả khác bên cạnh A. de Rhodes. Chính những bản viết tay (hầu hết là các bản tường trình nhằm báo cáo kết quả truyền đạo ở xứ ta cho Bề trên Cả ở La Mã) của các tác giả giai đoạn 1620-1650 là sự khởi đi đồng thời là tiền đề cho các bản in CQN đầu tiên (*Dictionary Annamiticvm Lusitanvm, et Latinvm ope* (*Từ điển Annam - Lusitan - Latinh*; cũng gọi *Từ*

*điển Việt - Bồ Đào Nha - Latinh, Từ điển Việt-Bồ-La*) và *Phép giảng tám ngày* (1651)) của A. de Rhodes sau này. Trong đó, không thể không nhắc đến Francesco de Pina, người mà theo Nguyễn Khắc Xuyên: “Trong việc học tiếng Việt này, ngài (Đắc Lộ) đã có một ông thầy và một gương mẫu, đó là giáo sĩ Francesco de Pina, người Bồ Đào Nha tới Đàng Trong từ mấy năm trước, một người rất thông thạo tiếng Việt mà giáo sĩ Đắc Lộ đã chịu sự điều dắt cũng như sau này hằng ca tụng và tỏ ra biết ơn”. Tuy nhiên, vì tài liệu viết tay của F. de Pina bị thất lạc nên chúng tôi cũng không thể nêu nhiều hơn về công trình của ông.

Nhìn lại tiến trình phát triển CQN, giai đoạn 1620-1650 có thể xem là giai đoạn phôi thai. Nó được đánh dấu bởi những CQN đầu tiên ghi trong khoảng 16 tài liệu viết tay. Dựa vào tài liệu tham khảo chính là cuốn *Lịch sử chữ quốc ngữ* (1620-

1659) của Đổ Quang Chính mà chúng tôi có kết quả này. Đồng thời, cũng dựa vào đây, chúng tôi có một số nhận xét về cách ghi CQN trong buổi ban sơ đó.

2. Ta thấy, trong công trình của mình, Đổ Quang Chính khi liệt kê các từ viết bằng CQN thì ông đều nói theo cách “dưới đây là những CQN”. Cách gọi này có thể chính xác với những từ đơn, còn đối với những từ ghép hay cụm từ thì tỏ ra khá khiên cưỡng. Vì vậy, trong bài viết của mình, chúng tôi sử dụng “từ/ cụm từ được viết bằng CQN”.

Như đã nói, có khoảng 16 tài liệu viết tay trong giai đoạn này. Và qua khảo sát từ/ cụm từ ghi bằng CQN trong đó, chúng tôi xin có một số nhận xét như sau:

**2.1.** Đa số các từ được viết bằng CQN trong các bản viết tay của các tác giả nước ngoài là danh từ riêng, trong đó địa danh chiếm số lượng đáng kể. Điều này cũng là lẽ tự nhiên và đúng với tinh thần “từ những sự dò dẫm phiên âm các nhân danh và địa danh lúc ban đầu” của các cha cố truyền đạo.

Ngoài ra còn các từ chỉ nhân danh và một số từ

ghi chức danh thời bấy giờ,...Số lượng từ chỉ địa danh, hay số lượng từ được viết bằng CQN trong các bản tường trình này thường tỉ lệ thuận với độ dài văn bản. Duy có trường hợp văn bản viết tay năm 1648 tuy có tổng số từ được ghi bằng CQN lớn nhưng từ địa danh rất ít, vì văn bản này là những mô thức rửa tội (bản viết tay 1645 cũng vậy) chứ không phải là bản tường trình về tình hình truyền đạo ở An Nam.

**2.2.** Cũng về hình thức viết CQN, chúng tôi đồng tình với nhận định mà Đổ Quang Chính đưa ra. Đó là: “Trong giai đoạn 1631-1648 của CQN, chúng tôi nhận thấy những tài liệu dưới đây của Lm. Đắc Lộ (tài liệu viết tay các năm 1631, 1636, 1644, 1647) và Gaspar de Amaral (tài liệu viết tay năm 1632, 1637) đáng lưu ý hơn cả, nhất là tài liệu của Amaral... CQN đã được viết khá đúng về 2 phương diện: cách ngữ và dấu”. Tuy nhiên, chúng tôi cũng muốn nói rõ hơn về vẻ sau của nhận định, cụ thể là đưa ra cái nhìn tổng quan hơn về 2 phương diện “cách ngữ và dấu” thông qua bảng sau:

STT	Tên tài liệu viết tay	Nhận xét về cách ngữ và dấu thanh
1	Tài liệu viết tay năm 1621 của Lm. João Roiz	Viết liền, chưa có dấu thanh
2	Tài liệu viết tay năm 1621 của Lm. Gaspar Luis	Viết liền, có xuất hiện dấu thanh
3	Tài liệu năm 1621 của Lm. Cristoforo Borri	Viết liền có, viết tách có nhưng ít hơn; xuất hiện dấu thanh nhưng rất hiếm (tài liệu này được xuất bản ở La Mã năm 1631)
4	Tài liệu viết tay năm 1625 của Lm. A. de Rhodes	Viết liền, có dấu thanh
5	Tài liệu viết tay năm 1626 của Lm. Gaspar Luis	Viết liền có tách có; viết thành từng cụm, câu; có dấu thanh
6	Tài liệu viết tay năm 1626 của Lm. Antonio Fontes	Viết liền có tách có; viết thành từng cụm, câu; có dấu thanh
7	Tài liệu viết tay năm 1626 của Lm. Francesco Buzomi	Viết cách ngữ; có dấu thanh

8	Thư của A. de Rhodes viết tháng 1 năm 1631	Viết liền, có dấu thanh
9	Tài liệu của Lm. A. de Rhodes viết vào tháng 5 năm 1631	Viết liền có tách có; có dấu thanh
10	Tài liệu của Lm. A. de Rhodes viết năm 1636	Viết cách ngữ, nhưng giữa 2 quyền trong bản viết tay vẫn chưa thống nhất trong cách viết một số chữ; có dấu thanh
11	Tài liệu của Lm. A. de Rhodes viết năm 1644	Viết liền có viết tách có, có viết thành từng cụm, câu; có xuất hiện dấu thanh
12	Tài liệu của Lm. A. de Rhodes viết năm 1647	Viết liền có viết tách có; có dấu thanh
13	Tài liệu viết tay của G. Amaral năm 1632	Viết cách ngữ, có dấu thanh (có đến 167 từ viết bằng CQN)
14	Tài liệu viết tay của G. Amaral năm 1637	Viết cách ngữ, có dấu thanh
15	Tài liệu viết tay năm 1645 (chưa rõ tác giả)	Viết cách ngữ, có dấu thanh
16	Tài liệu viết tay năm 1648 (chưa rõ tác giả)	Viết cách ngữ, có dấu thanh

Theo đó, A. de Rhodes là người có nhiều bản viết tay có sử dụng CQN. Nhưng cách viết của ông chưa thật sự chính xác, thẳng hoa như khi xuất bản 2 cuốn sách đầu tiên viết hoàn toàn bằng CQN vào năm 1651. Trong bản năm 1647, ông viết có phần “thụt lùi, luộm thuộm” hơn so với những bản viết tay trước đó. Ví dụ như ở bản năm 1647, Rhodes vẫn viết khi cách ngữ, khi không đối với từ chỉ địa danh (có 18 từ chỉ địa danh trong 20 từ viết bằng CQN thì 8 từ được viết liền, 10 từ tách). Rồi, chưa có sự thống nhất trong cách viết của cùng một từ (*Cai tlam, Caitlam* (Cát Lâm, gần Hội An); *on ghe bo, oii nghe bo* (Ông Nghè bộ));...

Còn 2 tài liệu (1632, 1637) của Amaral thì được viết cách ngữ hoàn toàn. Dấu thanh cũng được sử dụng nhiều, tất nhiên vẫn còn nhiều chỗ dùng cách bỏ dấu trong các thứ tiếng Latin. Đây là điểm chung của tất cả các tác giả nói trên. Tuy nhiên, nó cũng cho thấy sự cố gắng của họ trong việc hoàn thiện dần CQN để phục vụ cho công cuộc truyền đạo của mình.

**2.3.** Nhìn vào 16 tài liệu viết tay, tuy số lượng từ viết bằng CQN không quá phong phú nhưng cũng đủ là những minh chứng đầu tiên cho quá trình phát triển và hoàn thiện CQN về sau. Với khoảng 522 từ, cụm từ, “diện mạo” chính tả CQN bắt đầu hình thành. Và, từ buổi ban đầu đó, chữ viết ghi âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối của chính tả tiếng Việt có rất nhiều thang bậc: có chữ được viết ổn định ngay từ đầu, có chữ thay đổi đôi chút, lại có chữ phải trải qua quá trình biến đổi lâu dài... mới như CQN như hiện nay.

#### 2.3.1. Về các con chữ ghi âm đầu

Dựa vào phần lược trích của Đỗ Quang Chính, chúng tôi thấy đối với chữ ghi âm đầu, có thể chia làm 2 nhóm chính: **nhóm các chữ ghi âm đầu ổn định** và **nhóm các chữ ghi âm đầu biến đổi**.

Trong đó, **nhóm các chữ ổn định** bao gồm: b, h, l, kh, m, n, t, th.

Sự ổn định ở đây được hiểu rằng, các từ viết bằng CQN bắt đầu từ các con chữ trên đều được viết thống nhất. Điều này cũng có nghĩa là tương đương với cách viết hiện nay. Chỉ có đôi chỗ, một

vài tác giả chưa thực sự trau chuốt trong cách viết hoa và trong cách ngữ.

Chỉ xin nêu trường hợp con chữ *b* để thấy rõ sự ổn định CQN ban đầu:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| - <i>Banco</i> (Bàn Cỗ, tên vị thần),<br><i>Bafu</i> (Bà Phủ vợ quan Phủ Quy Nhơn) (Roiz, 1621); | - <i>Bendâ</i> (Bến Đá), <i>Bôdê</i> (Bồ Đê) (Luis, 1626);                                      | - <i>Ben da; Bao bom, Baubom</i> (Bầu Vom); <i>bo chinh</i> (Bố Chính) (Rhodes, 1647);  |
| - <i>Bancô</i> (Luis, 1621);   | - <i>Béndá, Bude</i> (Bồ Đê) (Fontes, 1626);  | - <i>bên</i> (bên), <i>cô bệt</i> (Cô Bệt, tên người), <i>bên bồ đê</i> (bên Bồ Đê), <i>chúa bàng</i> (Chúa Bằng) (Amaral, 1632); |
| - <i>Bancò</i> (Borri, 1621);  | - <i>Bochinũ</i> (Bố Chính) (Rhodes, 1/1631);   | - <i>ba hôn bãy úa</i> (ba hôn bãy úa) (Tài liệu năm 1645)  |
|  | - <i>bat minh</i> (bất minh), <i>ba hôn</i> (ba hôn), <i>bo chin</i> (Bố Chính) (Rhodes, 1636); | - <i>bôn đạo</i> (bôn đạo) (Tài liệu năm 1648);...  |

Các chữ khác trong nhóm này cũng được ghi thống nhất, tương tự như “b” vừa rồi.

Còn với nhóm các con chữ có sự biến đổi, bao gồm: **ph, x, ch, k, đ, nh, ng, ngh**.

Tuy nhiên, chúng tôi sẽ đề cập đến con chữ có sự biến đổi mà theo chúng tôi là đáng lưu ý hơn cả. Đó là trường hợp con chữ “v” lúc được ghi thành “b”, lúc thành “u”, và lúc thành “ḅ” (“b đuôi”/ “b móc” giống chữ “v” trong tiếng Tây Ban Nha).

Kết quả khảo sát theo thứ tự các bản viết tay có xuất hiện chữ “v” lần lượt là:

- **v thành b**: điển hình là trường hợp *bua* – *vua*, cả Borri (1621), Amaral (1632) và A. de Rhodes (1636) đều ghi *bua* thay vì *vua*. Và việc “v” ghi thành “b” tìm thấy nhiều nhất ở các tài liệu viết tay của Rhodes trong giai đoạn này. Kết quả là có sự thống nhất trong cách ghi, mặc dù cách ghi đó chưa thực sự chính xác. Ví dụ: trong bản năm 1636, Rhodes viết *chín vía, bai vía* (bảy vía), *sai vai* (sãi vãi), *Che bich* (Kẻ Vích),... nhưng cũng viết *Baubom, Bao bom* thay vì địa danh này là *Bầu Vom*. Hay như Amaral viết: *vĩnh tộ* (Vĩnh Tộ) (1632), nhưng cũng đã viết *bua* – *vua*, *bó* thay vì *vó* (1637).

- **v → u**: Gặp nhiều ở 2 bản viết tay của Amaral (bản 1632) và Rhodes (1636). 2 bản này có

dung lượng khá lớn so với các bản viết tay còn lại. Bản 1636 của Rhodes có *uuan* (vương), *Ciũa ban uuan* (Chúa Bằng vương). Còn Amaral (bản 1632), viết *sãy uãy* (sãi vãi), *huyện uỳnh lay* (huyện Vĩnh Lại), *thầy uẩn chậ* (thầy Văn Chậ), *Kẻ uạc* (Kẻ Vạc), *quan uỡy* (Quang Vôi),... nhưng lại viết đúng một số từ như *đức vương* (Đức Vương), *thanh đô vương* (Thanh Đô Vương), *Kẻ Vĩnh cang* (Kẻ Vĩnh Cang),...

- **v → ḅ**: Chỉ xuất hiện trong bản viết tay năm 1648 (bản chưa rõ tác giả). Như đã nêu, đây là những câu trong mô thức rửa tội của Thiên Chúa giáo. Và “v” ghi thành “ḅ” trong văn bản chỉ duy *ḅai* (vậy) và lặp lại 14 lần trong văn bản. Điều đáng nói ở đây là những văn bản viết tay của Rhodes trong giai đoạn này không có trường hợp ghi “v” thành “ḅ”. Nhưng đến *Từ điển Việt-Bồ-La* (1651) và *Phép giảng tám ngày* (1651) thì “v” được ghi thành “ḅ” xuất hiện dày đặc (trích từ *Pháp giảng tám ngày*): *đội đá ḅá blờ* (đội đá vá trôi); *có người tla đạn, tla thuốc ḅào* (có người tra đạn, tra thuốc vào), *đứng giữa là ḅua Chúa trị nước* (đứng giữa là vua chúa trị nước);...).

Tiếp đến, nhóm các con chữ có sự biến đổi khác. Lần lượt là:

- **ph (f)**: Trước 1632, “ph” được ghi thành “f”. Nhưng trong 16 bản viết tay này, chỉ thấy có từ *Bafu* (Bà Phủ) (Roiz, 1621). Bởi từ sau 1632, *ph* được viết như hiện nay: *phô mã* (phò mã), *phổ lô xã* (Phổ Lô xã) (Amaral, 1632); *phạt* (Phật), *Phuchen* (Phúc Chân, tên người) (Rhodes, 1636); *phụ* (phụ, “cha”) (Tài liệu 1648);...

- **x (s, sc, x)**: Trước 1632, “x” được ghi lúc chính xác, lúc không; “x” được ghi thành “s” là chủ yếu. Ví dụ *sinuua* (xứ Hóa) (Borri, 1621); *sinua*, *sinuâ*, *sinoá* (xứ Hóa), *xabin* (Xá Bình, tên riêng) (Fontes, 1626); *sinoá* (xứ Hóa) (Rhodes, 5/1631);...

“x” được ghi thành “sc” chỉ có trường hợp: *scin* (xin) (Borri, 1621). Cũng từ sau 1632, “x” được viết chính xác hoàn toàn. Như *hộy ăn xã* (Hội An xã), *huyen nghi xuon* (huyện Nghi Xuân) (Amaral, 1632); *cai xã* (cai xã – người đứng đầu một xã)...(Rhodes, 1636); *cắt xác* (cắt xác) (Tài liệu năm 1645);...

- **ch (ci, chi, ch)**: Đây là con chữ mà sự không đồng nhất trong cách viết của cùng một tác giả là điều đáng lưu ý. Bên cạnh đó, có những người viết đúng hoàn toàn, thống nhất trong các bản viết tay (Fontes, 1626; Amaral, 1632 và 1637). Trước 1648, *ch* được viết bằng 3 hình thức trên. Ví dụ: *Cacham* (Ca Chàm) (Roiz, 1621); *Cacciam* (Ca Chàm), *Chiuua* (Chúa), *sayc chiu* (sách chữ) (Borri, 1621); *Unghe Chieu* (Ông Nghè Chiêu) (Luis, 1626); *Digcham* (Dinh Chàm), *Onghe Chieu* (Ông Nghè Chiêu), *Dinh Cham* (Dinh Chàm) (Fontes, 1626); *thien chu* (Thiên Chúa) (Buzomi, 1626); *Bochinũ* (Bồ Chính) (Rhodes, 5/1631); *Chúa oũ* (Chúa Ông), *Chúa cả* (Chúa Cả), *ou chường tuyên* (Ông Chường Tuyên)...(Amaral, 1632); *Chúa canh* (Chúa Canh), *Chúa oũ* (Chúa Ông) nhưng Rhodes cũng viết *Ciüa Canh* (Chúa Canh), *Ciüa sai* (Chúa sai) (Rhodes, 5/1636); *Chúa thanh đô* (Chúa thanh đô), *Kê chợ* (Kê Chợ)...(Amaral, 1637); *Chúa* (Chúa) (Rhodes, 1644); *cha* (cha), *Chúa* (Chúa) (Tài liệu 1645); *Ciam* (Chàm), *bo chính* (Bồ Chính) (Rhodes, 1647);

*chín* (chín, số chín), *Chúa* (Chúa), *cha* (cha, cha xứ) (Tài liệu 1648);...

Như vậy, từ sau 1648, “ch” được viết giống với cách viết hiện nay.

Cách viết chữ “ch” như vừa liệt kê, với riêng tác giả Rhodes, đã cho thấy bản thân tác giả đã có một sự “thụt lùi, luộm thuộm”. Tuy nhiên, đến 1651, khi ông cho xuất bản 2 cuốn sách đầu tiên bằng CQN thì những lỗi trên được khắc phục gần như triệt để. Đó là một sự tiến bộ, một thành quả rất đáng ghi nhận.

- **k (qu, ch)**: Những từ có con chữ “k” làm phụ âm đầu xuất hiện không. Chủ yếu là cụm từ *Ké* +... (chỉ địa danh). Và được viết khá chính xác. Ngoại trừ: *Tunchim* (Đông Kinh) (Borri, 1621); *Tunquim*, *Tunquin* (Đông Kinh) (Rhodes, 1625); *Che bich* thay vì *Ké Bích*, *Che no* (*Ké Nộ*) (Rhodes, 1636). Tuy nhiên, phần sau của bản 1636, “k” đều được viết đúng. Như vậy, có sự không thống nhất về cách viết của cùng một con chữ trong một tài liệu.

- **đ (d, đ)**: xuất hiện không nhiều, hầu hết lặp lại cùng một từ. Và tính ước chừng thì phải sau 1648, “đ” mới được viết như nó hiện nay. Ban đầu, “đ” được ghi bằng “d”: *Oundelim* (Ông đề Linh) (Roiz, 1621); *Bôđê* (Bồ Đề), *Ondelimbay* (Ông đề Linh Bầy), *Ondedoc* (Ông đề đốc) (Luis, 1626); *Bénda* (Bến Đá), *Bude* (Bồ Đề),...(Fontes, 1626); đến 1632, Amaral viết chính xác con chữ này: *đàng trên* (Đàng Trên), *Đức lão* (Đức Long), *đức vương* (Đức vương),...và tất nhiên, 1637, ông cũng viết chính xác: *đàng ngoài* (Đàng Ngoài), *chúa thanh đô* (Chúa Thanh Đô),...Năm 1636 và 1647, trong 2 tài liệu viết tay của Rhodes, “đ” vẫn được ghi là “d”: *Chúa thanh đô* (Chúa Thanh Đô), *sin đô* (sinh đồ), *dau nhu* (Đạo Nho), *dau thic* (Đạo Thích) (Rhodes, 1636); *ben da* (Bến Đá) (Rhodes, 1647). Đến 1651, bản thân Rhodes mới ghi “đ” là “đ”.

- **nh (gn, nh)**: Trong các bản viết tay chỉ có 4 trường hợp viết “gn” thay vì “nh” mà thôi. Đó là

*Quignin* (Quy Nhơn) (Borri, 1621); *gna huyên* (Nhà huyện), *gna ti* (Nhà ti), *gna hien* (Nhà hiến) (Rhodes, 1636); còn các tác giả viết đúng bao gồm: *Quinhin* (Quy Nhơn) (Luis, 1626); *Quinhin* (Quy Nhơn) (Fontes, 1626); *yêu nhẫu* (yêu nhau), *phu mã nhãm* (Phù mã Nhâm) (Amaral, 1632); *nhin* (nhon) (Amaral, 1637). Từ 1636 trở đi, “nh” được như hiện nay.

- **ng, ngh (gu, gn, gh):** có 3 cách viết biểu diễn con chữ “ng”, “ngh” cho đến 1648. Trong đó, “gn” chỉ xuất hiện trong một trường hợp: *Omgne* (Ông nghề) (Borri, 1621). Chúng tôi cũng muốn lưu ý cách viết của các tác giả sau: Buzomi viết đúng: *ngaoc huan* (Ngọc hoàng) (1621); Amaral viết gần như đúng (chỉ trừ chi tiết viết y sau “ngh”; “ngh” đứng trước các nguyên âm “i”, “e”, “ê”, “iê”): *đàng ngoày* (Đàng Ngoài), *uẩn nguyện* (Văn Nguyễn, tên người), *Nghyã ăn xã* (Nghĩa An xã) (1632) và *Nghê an* (Nghê An), *đàng ngoài* (Đàng Ngoài) (1637).

Còn 2 tác giả Luis và Rhodes tỏ ra không thống nhất trong cách viết con chữ này. Đối với Luis, ông viết: *Ungué* (Ông Nghè) (1621) nhưng lại viết *Unghe* (Ông nghề), *Quanghia* (Quảng Nghĩa) (1626). Còn Rhodes thì viết: *Gueanũ* (Nghệ An) (5/1631); đến 1644 viết đúng: *Oũnghebo*, *Ôũnghebo* (Ông Nghè Bộ), *nghiã cũ* (nghĩa cũ) nhưng đến 1647 ông lại viết: *Quan Ghia* (Quảng Nghĩa), *on ghe bo* (Ông Nghè Bộ). Ta thấy, các chữ Rhodes viết vào năm 1647 có sự cách ngữ, chú ý cách viết in hóa thì con chữ “ng”, “ngh” trở về lỗi sai ban đầu. Đến 1651, trong 2 bản in CQN đầu tiên của mình, ông đã khắc phục được cách viết con chữ này.

- **gi (i, j):** Cách ghi này không nhiều, chỉ gặp ở tài liệu của Rhodes và Amaral. Trong bản viết tay 1636, Rhodes vừa ghi *tam iau* (Tam giáo) vừa ghi *giô* (giỗ); còn Amaral: *Kê jường* (Kê Giường) (1632).

Trên đây là những con chữ ghi âm đầu có sự ổn định ngay từ đầu và những con chữ có sự biến đổi nhưng sớm đi vào ổn định. Đối với nhóm con chữ

có sự biến đổi nhưng sớm đi vào ổn định, chúng tôi thấy rằng, chúng đều ổn định trước 1648. Đến khi 2 cuốn sách của Rhodes ra đời, những con chữ này đều viết như hiện nay.

Bên cạnh đó, nhóm các chữ ghi âm đầu trong 16 bản viết tay còn có sự tồn tại của 2 tổ hợp phụ âm đầu tiếng Việt: “bl”, “tl” là những chữ biến đổi do ngữ âm thay đổi. Đầu tiên là “bl”. Trong 16 bản viết tay chỉ có 3 bản xuất hiện tổ hợp này và có trường hợp cùng một từ. *Blon đoy* (trọn đời) (Rhodes, 1644), *Chúa bloy* (Chúa trời) (Tài liệu 1645); *Đức Chúa Blòy* (Đức Chúa trời) (Tài liệu 1648). Trong tài liệu năm 1645 còn có trường hợp *blai có ba hôn bãy úa* (trai có ba hôn bãy úa). Đến con chữ “tl”, Amaral năm 1632 viết: *đàng tlão* (Đàng Trong), *đàng tlên* (Đàng Trên) nhưng cũng viết *chúa triết* (Chúa Triết), *Kẻ trãng* (Kẻ Trãng),... đến 1637, tài liệu viết tay của ông chỉ xuất hiện mỗi từ *tri* (Tri, tên người). Rõ ràng, Amaral chỉ viết tổ hợp *tl → tr*. Còn Rhodes thì có đủ 2 hình thức: *tl → tr*, *tl → l* và chúng cùng xuất hiện trong tài liệu năm 1636. Đó là: *tlẽ* (trè), *tle* (tre); *Cai tlam*, *Caitlam* (Cát Lâm).

Để nhận xét về các chữ “bl”, “tl” trên, chúng tôi xin nói một vài điều, rằng “bl”, “tl” là 2 trong số các tổ hợp phụ âm trong buổi đầu hình thành CQN, bên cạnh nó còn có các tổ hợp phụ âm khác là “mnh”, “ml”. Tuy nhiên, trong phạm vi ngữ liệu này, 2 tổ hợp sau chưa xuất hiện. Phải mãi tới 1651, trong 2 cuốn sách của A. de Rhodes, các chữ này mới xuất hiện với tần số cao với đầy đủ các hình thức: *tlon - blon* (trọn); *blóc - loúc* (tróc/ lóc); *mlón - lón* (lón); *mlâm - mnhâm, làm, nhâm* (nhâm); *trọc - tlọc* (trọc);... Hiện nay, các tổ hợp này không còn tồn tại và để có sự ổn định như vậy, chúng đã biến đổi và hoàn thiện trong gần 2 thế kỷ từ XVII đến XIX.

### 2.3.2. Về các con chữ ghi âm đệm

Các từ có âm đệm xuất hiện không nhiều, lặp lại thường xuyên nhất từ *xứ Hóa*. Nó được viết theo nhiều cách khác nhau: *Sinoa* (Roiz, 1621; A. de Phodes, 1631); *Sinoá*, *Sinuá* (Fontes, 1626).

Còn 3 hình thức ghi âm đệm /-u-/ nữa, lần lượt: “ô”, “ũ”, “ô”. Trong tài liệu của Amaral (1632) có *xứ Thịnh hĩa* (xứ Thanh Hóa), *nhũộn* (Nhuận, tên thầy giảng); Tài liệu năm 1648 có *cũôn cưỡc* (công quốc); nhầm lẫn “o”/ “u”: *đức ỗ hòe* (Đức Ông Huệ), *thoặh hĩa* (Thuận Hóa) (Amaral, 1632).

Như vậy, số lượng chữ cái ghi âm đệm trong tiếng Việt hiện nay chỉ là 2 trong số các trường hợp vừa nêu. Nó đã hoàn thiện rất nhiều trong việc kết hợp các âm chính đi kèm. Bởi, ban đầu, âm đệm /-u-/ thể hiện qua “o”, “u”: được sử dụng còn thiếu nhất quán và chưa có quy tắc rõ ràng. Đến sách của A. de Rhodes, 1651 ông vẫn chưa sử dụng thành thạo âm đệm, vẫn ghi: *ngõài* (ngoài), *đõạn* (đoạn), *lõài* (loài)... hoặc thêm âm đệm vào: *lõên* (lên).

### 2.3.3. Về các con chữ ghi âm chính

So với âm đầu, phần vần mà nhất là âm chính có sự biến đổi diễn ra lâu dài hơn. Hệ thống âm vị tiếng Việt lúc này chưa định hình rõ nét cũng gây ra sự hạn chế này. Trong 16 bản viết tay được khảo sát, càng về sau, cách viết âm chính càng chính xác, tuy nhiên, dung lượng của các bản viết tay lại khá khiêm tốn (Amaral 1637; 2 tài liệu năm 1645 và 1648).

Dựa vào kết quả thống kê, có cả nguyên âm đơn lẫn nguyên âm đôi thể hiện sự khác biệt về hình thức so với cách viết ngày nay. Trong đó, nguyên âm đơn chiếm ưu thế (29 trường hợp), nguyên âm đôi (9 trường hợp). Trong số 30 trường hợp nguyên âm đơn, có một số trường hợp xuất hiện với tần số cao trong 16 bản viết tay: ô ghi thành o (35 lần), ê – e (20), ă – a (14), e – ẽ (14), â – a (9), â – ă (7); còn 8 nguyên âm đôi: yê – ye (10), iê – ie (6), ơ – uo (5).

Đối với trường hợp nguyên âm đơn, người viết dựa vào “Bảng mô tả các nguyên âm đơn tiếng Việt” trong giáo trình *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt* để làm rõ.

2.3.3.1. Chữ ghi nguyên âm dòng trước không tròn môi

- **y (a)**: chỉ xuất hiện trường hợp “y” dài, và có một trường hợp mà thôi *chúa quành* (Chúa Quỳnh) (Amaral, 1637).

- **ê (ê, e, ẽ)**: ê-ê chỉ xuất hiện trong 2 trong tài liệu viết tay của Amaral, 1632: *đàng tên* (Đàng Trên), *cô bệt* (Cô Bệt), *bên bò đẽ* (bên Bò Đẽ), *Nghệ ăn* (Nghệ An), *nhuệ* (Nhuệ, tên riêng)... và 1637: *Nghệ an* (Nghệ An).

- **ê→e** xuất hiện ở hầu hết các bản viết tay của các tác giả. Ví dụ: *Oundelim* (Ông Đê Lĩnh) (Roiz, 1621); *Dàdèn lùt* (Đã đến lút), *an het* (ăn hết) (Borri, 1621); *Ondedoc* (Ông Đê Đốc), *Bendâ* (Bến Đá),... (Luis, 1626); riêng A. de Rhodes: *Gueanũ* (Nghệ An) (1631); *den* (đền), *Ghe an* (Nghệ An),... (1636); *het* (hết), *den* (đền),... (1644); *ben da* (Bến Đá) (1647). Tuy nhiên, đến khi xuất bản 2 cuốn sách của mình, Rhodes đã khắc phục được lỗi này. Còn “ê” thành “e” chỉ có một trường hợp: *phẽ* (phê) (Amaral, 1632).

- **e (e, ê, ẽ)**: e-e xuất hiện ở ngay bản viết tay đầu tiên: *Ungue* (Ông nghè) (Roiz), *Ungué* (Ông nghè) (Luis, 1621),...

- **e→ê** chỉ có trường hợp: *Kẽ chàm* (Kê Chàm) (Amaral, 1632); thành “ẽ” xuất hiện nhiều nhưng chỉ có ở tài liệu của Amaral: *Kẽ Chợ* (Kê Chợ), *hàng bẽ* (Hàng Bè), *Kẽ Quễn* (Kê Quễn) (1632). Ở tài liệu này, “e” cũng được viết đúng “e” trong phần sau: *Kẽ sắt* (Kê Sắt), *Kẽ gián* (Kê Gián),... Và đến 1637, Amaral gần như viết chính xác con chữ này trong vai trò âm chính: *Kẽ chợ* (Kê Chợ).

2.3.3.2. Chữ ghi nguyên âm dòng sau không tròn môi

- **ư (i, u)**: Minh chứng cho trường hợp “ư” ghi thành “i” là từ *xứ Hóa*; ban đầu nó được ghi: *Sinoa* (Roiz); *Sinua* (Borri); *Sinua*, *Sinoá* (Fontes); *Sinoa* (Rhodes, 1/1636); cũng từ này, từ 1632, Amaral đã ghi: *xứ Thịnh hĩa* (xứ Thanh Hóa), ông cũng ghi đúng nhiều từ khác, như: *đức bà xạ* (Đức Bà Xạ), *tư tư huyện* (Tư Tư huyện), *thần từ* (Thần từ)... Hai tài liệu 1645, 1648 cũng ghi đúng: *rũa* (rửa), *tữ* (từ); *Đức Chúa* (Đức Chúa), *nữ* (nữ). Đến 2 cuốn

sách của Rhodes, “ư” được ghi chính xác khi đảm nhận vai trò âm chính (*vi chung, đức, giữ, sự*),...; Phép giảng tám ngày).

- **ơ (e, i, o):** Thành “e” chỉ xuất hiện một lần trong 16 bản viết tay, bắt gặp trong bản của Rhodes, 1/1636: *Che ce* (Kê Chợ). Thành “i” xuất hiện trong từ “Qui Nhon” là chính: *Quinhin* (Fontes); *Quignin* (Borri); *Qui nhìn* (Rhodes, 1647); *nhìn* (nhon) (Amaral, 1637).

- Đối với Amaral, trong 2 tài liệu viết tay, ông viết có đôi chỗ chưa nhất quán. Vì “ơ” cũng có khi được viết đúng: *chợ thui* (Chợ Thủy) (1632); *Kê chợ* (Kê Chợ) (1637).

- **ơ→o** gặp trong bản của Rhodes, 1644: *hoy* (hôi), *đoy* (đời); Tài liệu năm 1645: *Chúa bloy* (Chúa trời). Đến tài liệu năm 1648, “ơ” được viết đúng *Chúa Bløy* (Chúa trời) và sau này trong 2 cuốn sách xuất bản năm 1651 của mình, Rhodes cũng viết “ơ” là “o”.

- **â (a, ă, e, i, ô):** “â” được ghi thành “a” và “ă” xuất hiện nhiều nhất, mỗi hình thức trên 7 trường hợp. Đây là sự thay thế của các nguyên âm cùng dòng sau không tròn môi, tức là các âm tiếng Việt cùng vị trí phát âm hoặc cùng độ mở thì có thể đổi cho nhau.

- **â→a** có: *tây* (tây), *làng cầu* (làng Cầu) (Amaral, 1632). Đến 1637, ông viết đúng *thầy* (thầy giảng). Có thêm: *bat min* (bất minh), *thuam* (Thuận, tên riêng), *Phạt* (Phật), *thai* (thầy) (Rhodes, 5/1636); *Bao Vom* (Bầu Vom), *bau beo* (Bầu Bèo) (Rhodes, 1647); tới 1651, Rhodes vẫn chưa viết thống nhất nguyên âm này, viết: *âng* (ân), *dầu* (dầu xưa), *thấy* (thấy),... nhưng cũng viết: *thạt* (thật), *bao lao* (bao lâu),... Trường hợp lẫn lộn qua lại giữa “ă” và “a” cũng được xem như cách phát âm địa phương so với từ ngữ toàn dân. Hiện nay, nhiều từ được dùng song song: *thế này – thế nầy, mà – mầy, thày – thầy, giầu – giàu*,...

- **â→ă**: chỉ gặp trong bản của Amaral: *Kể hải* (Kê Hải), *phu mã nhăm* ((ông) Phù mã Nhâm),

*thần từ* (thần từ), *Kể lăm* (Kê Lâm) và tài liệu 1645: *cắt ma* (cắt ma), *cắt xác* (cắt xác).

- **â→e** chỉ có một trường hợp: *Phucchen* (Phúc Chân) (Rhodes, 1636).

- **â→i** xuất hiện nhiều hơn: *nhít* (nhất) (Luis, 1626); *nhít* (nhất) (Fontes); *nhìn danh* (nhân danh), *nhìn nhít* (nhân nhất) (Tài liệu năm 1648).

- **â→ô** chỉ gặp một lần: *nhũộn* (Nhuận) (Amaral, 1632).

- **a (ă, â, e, i):** Trong đó, “a” hay được ghi thành nguyên âm cùng hàng “ă”.

- **a→ă** chỉ thấy ở 2 tài liệu của Amaral, có 11 lần. Ví dụ: *đàng ngoầy* (Đàng Ngoài), *ăn dương huyện* (An Dương huyện), *Nghệ ăn* (Nghệ An),...

- **a→â** chỉ gặp một lần, trong từ: *Bendâ* (Bến Đá) (Luis, 1626). Từ *Bến Đá* là địa danh được nhắc đến khá nhiều trong 16 bản viết tay, nguyên âm “a” trong “Đá” thường được viết chính xác.

- **a→e** đều xuất hiện trong tên địa danh: *Renran* (Ran Ran, Đỗ Quang Chính chú thích là sông Đà Rằng ở Phú Yên), *Thoạn hóa* (Thuận Hóa).

- **a→i** mặc dù có 4 trường hợp nhưng đều nằm trong từ *Thanh Hóa*. Từ này trước đây được ghi: *Thinhũa* (Thanh Hóa) (Rhodes, 1/1631), *Thinh hoa* (Thanh Hóa) (Rhodes, 1636); *xứ Thinh hĩa* (xứ Thanh Hóa), *Thính hoa* (Thanh Hóa) (Amaral, 1632).

- **ă (a, â):** các nguyên âm cùng dòng hay được hoán đổi cho nhau. Nếu như “a” hay được ghi thành “ă”, thì “ă” cũng vậy (14 trường hợp).

- **ă→a** xuất hiện xuyên suốt trong các bản viết tay. Cụ thể: *an het* (ăn hết), *Tuijiam Biet* (Tôi chẳng biết),... (Borri, 1621); *Nuocman* (Nước Mặn) (Luis, 1626); *Núocman* (Nước Mặn) (Fontes, 1626); *chúa bàng* (Chúa Bằng), *thấy* (thấy) (Amaral, 1632); *ràng* (rằng) (Tài liệu năm 1648). Riêng A. de Rhodes, nguyên âm này vẫn còn ghi thành “a” trong 2 công trình năm 1651 của ông: *Chúa Bằng* (Chúa Bằng), *uan* (văn),... (1636); *Nuoc man* (Nước Mặn) (1647); *bang* (bằng), *chẳng* (chẳng), *tối tam* (tối

tám), *ngàn nam* (ngàn năm),... (1651, Phép giảng tám ngày).

- **ã→â** thì chỉ có trường hợp: *hàng Mắm* (Hàng Mắm) (Amaral, 1632).

2.3.3.3. Chữ ghi nguyên âm dòng sau tròn môi:

Nguyên âm “**u**” không ghi bằng các con chữ khác trong các tài liệu viết tay giai đoạn này. Các nguyên âm còn lại thì có.

- **ô (â, o, ố, u)**: Trong đó, “ô” ghi thành “o” nhiều nhất, khoảng 35 trường hợp.

- **ô→â** chỉ có một trường hợp: *nhút la khẩu* (nhất là không) (Fontes).

- **ô→o** xuất hiện ở 16 bản viết tay và thường nằm trong nhóm từ chỉ chức danh. Ví dụ: *onsaij* (ông sãi) (Borri); *Oundelim* (Ông Đê Lĩnh) (Roiz); *Ondedoc* (Ông Đê đốc) (Luis, 1626); *Onghe chieu* (Ông Nghè Chiêu) (Fontes); *Bochinũ* (Bồ Chính) (Rhodes, 5/1631); *coũ thần* (Ông Thành) (Amaral, 1632); *sindo* (sinh đồ), *huan com* (huong công) (Rhodes, 1636); *Oũnghebo* (Ông Nghè Bộ) (Rhodes, 1644); sớ (sống) (Tài liệu 1645); *bổn đạo* (bổn đạo) (Tài liệu 1648); *oũ nghe bo* (Ông Nghè Bộ) (Rhodes, 1647);...

Ta thấy, từ có nguyên âm “ô” xuất hiện nhiều nhưng nhìn chung, vẫn chưa có hình thức như hiện nay. Đến công trình năm 1651 cũng vậy, mặc dù Rhodes đã viết chính xác nhiều từ có nguyên âm “ô” như: *linh hôn, mà thôi, cội rẽ, rửa tội* (rửa tội), *trôn* (trôn),... nhưng cũng có nhiều từ vẫn ghi thành “o”: *foũ* (sống), *oũ* (ông), *khouũ* (không),...

Bên cạnh đó, có một trường hợp “ô” ghi thành “ố”. Đó là: *quan uố* (Quang Vô, tên riêng).

- **ô→u** xuất hiện khoảng 14 lần. Đây cũng là nguyên âm cùng hàng sau tròn môi nên cách viết này có số lượng khá lớn. Cụ thể: *Unsay* (ông sãi), *Ungue* (Ông Nghè) (Roiz); *Bude* (Bồ Đê), *Tunchim* (Đông Kinh) (Fontes); *Tunquin* (Đông Kinh) (Rhodes, 1625); *Tum Kim* (Đông Kinh) (Amaral, 1632); *cu hôn* (cô hôn) (Rhodes, 1636); *liemcum* (Liêm Công) (Rhodes, 1647);...

- **o(o, ố, u)**: hầu hết ghi “o”, chỉ có vài trường hợp ghi thành “ố”, “u”. Ghi thành “ố”: *cốt bớ* (cốt bối) (Amaral, 1632); thành “u”: *dau nhu* (đạo Nho) (Rhodes, 1636). Ngoài ra, “o” trong vần “ong” thường được ghi thành “aõ”: *đàng tlaõ* (Đàng Trong), *đức laõ* (Đức Long),... (Amaral, 1632).

Trường hợp *nguyên âm đôi* có hình thức khác so với cách viết hiện nay, cụ thể là:

- **ia (ya)**: trong khi tiếng Việt hiện tại cả 2 nguyên âm đôi này đều được dùng. Ngữ liệu có 2 trường hợp: *Quamguya* (Quảng Nghĩa) (Fontes); *Nghyã ăn xa* (Nghĩa An xã) (Amaral, 1632).

- **iê (e, ie)**: có một trường hợp ghi thành “e”: *ten si* (tiền sĩ) (Rhodes, 1636) trong khi 6 trường hợp ghi thành “ie”: *thien chu* (thiên chủ) (Buzomi); *gna hiên* (nhà hiền) (Rhodes, 1636); *Quảng liệt xã* (Quảng Liệt xã) (Amaral, 1632);... Đến 1651, Rhodes vẫn viết: *thien thần* (thiên thần), *kiên* (kiến),...

- **yê (ye)**: được ghi thành “ye” với 10 trường hợp. Ví dụ: *cai huyen* (cai huyện) (Rhodes, 1636); *ou chũng tuyên* (ông Chuông Tuyên), *uãn nguyên* (Văn Nguyên) (Amaral, 1632);...

- **uơ (ua, uo)**: Các trường hợp ghi thành “ua” đều nằm trong bản viết tay năm 1636 của Rhodes: *huan com* (huong công), *ciũa ban uuan* (Chúa Bằng Vương);... các bản viết tay tiếp theo của ông ghi sang ou: *kiem thuong* (Kiêm Thượng) (1636); *Nuoc man* (Nước Mạn) (1647);... Cho đến 1651, Rhodes vẫn còn bắt nhất trong cách ghi nguyên âm đôi “uơ”, tuy nhiên sự tiến bộ là rất đáng kể. Cụ thể: *tô tuởng* (tổ tưởng); *đọc, trước, người, dưới*... viết như hiện nay (Phép giảng tám ngày). Amral tỏ ra là người ghi chuẩn xác nguyên âm “uơ”: *thanh đô vương* (Thanh Đô Vương), *oũ chũng hương* (Ông Chuông Hương);... (1632).

- **uô (uõ)**: *hàng thuốc* (hàng thuốc) (Amaral, 1632). Tính ra, nguyên âm đôi này rất ít thấy trong 16 bản viết tay này, chỉ có vài từ trong tài liệu năm 1648 và được ghi tương đối chính xác: *cha Ruôt* (cha ruột), *con Ruôt* (con ruột)... Đến 1651, Rhodes

vẫn viết: *thuộc lào* (thuộc lòng), *huông chi* (huông chi),...

- Có thể nói, nguyên âm tiếng Việt thời kỳ đầu có một diện mạo hết sức phong phú. Khi 2 cuốn sách bước ngoặt của Rhodes ra đời, nguyên âm vẫn có sự cải tiến đáng kể nhưng mức độ chưa đồng đều như đối với âm đầu.

#### 2.3.4. Về các con chữ ghi âm cuối:

Các chữ ghi âm cuối có sự biến đổi và hoàn thiện như chúng ta sử dụng hiện nay hầu hết thuộc âm lưỡi (**t, n, c, ch, ng, nh, i, y**) hơn là âm môi, trong đó ng được ghi với nhiều cách nhất.

Các chữ ghi âm môi là âm cuối:

- **m**: thường được ghi như hiện nay. Chỉ có 2 trường hợp, một ghi “o” một là “ø” (rỗng/ zero) thuộc bản viết tay của Rhodes: *Ainão* (Hải Nam) (1625); *Annáø* (An Nam) (5/1631).

- **ng (m, n, ã, ø, u, ù, ư)**: Trong đó, “ng” ghi thành “ũ” là phổ biến nhất (26 trường hợp), sau đó là “n” (17). ng→m chỉ có trường hợp: *Tuijciam biet* (Tôi chẳng biết) (Borri).

- **ng→n** thường trước nó là các nguyên âm “a”, “u”, “ô” (các nguyên âm theo cách dùng thời bấy giờ). Ví dụ: *Tunquim* (Đông Kinh) (Rhodes, 1625); *Ondedoc* (Ông Đề Đốc), *Unghe chieu* (Ông Nghè Chiêu) (Luis, 1626); *uuan* (vương), *ciua ban uuan* (Chúa Bằng Vương) (Rhodes, 1636);...

- **ng→o** có 2 lần: *đàng tlaõ* (Đàng Trong), *đức laõ* (Đức Long),... (Amaral, 1632).

- Ghi “ø” ở đây là có nguyên do của nó, bởi có sự tương đương giữa cách ghi “ũ” ( ~ ) là ký hiệu ghi nguyên âm mũi, khi đặt trên “u” hay “o”) và âm cuối ng cũng là phụ âm mũi, vang. Trong 5 từ khảo sát, có tới 3 từ là “Dũng”, cụ thể: *chúa dũ* (Chúa Dũng) (lặp 2 lần), *ũ chương dũ* (Ông Chương Dũng) (Amaral, 1632); còn lại: *chúa tũ* (Chúa Tung) (Amaral, 1632) và *cũ* (cũng, lặp 14 lần) (Tài liệu 1648).

- **ng→u** chỉ có 2 trường hợp: *khấu* (không) (Fontes); *ou chương* (Ông Chương) (Amaral, 1632).

- **ng→ũ** là trường hợp gặp nhiều nhất và hầu hết đứng sau nguyên âm “o”(“ô” hiện nay). Nổi bật nhất là trong bản 1632 của Amaral, ở đây, ông viết gần như thống nhất hoàn toàn “ũ” khi đứng sau “o”, “ô”: *oũ nghe* (Ông Nghè), *đức oũ tãi* (Đức ông Tây), *làng bôũ bàu* (làng Bông Bàu),...

Nhưng đến 1637, Amaral viết “u” thay vì “ũ” khi đứng sau ô, có 2 trường hợp trong ngữ liệu: *cổũ thàn* (Công Thành, tên người), *đổũ thành* (Đông Thành).

- **nh (g, m, n)**: “nh” ghi thành “g” chỉ có một lần: *Dĩgcham* (Dinh Chàm) (Luis, 1626). Thành “m” và “n” có số lượng tương đương nhau và cùng với nh chúng đều là các phụ âm mũi.

Trong ngữ liệu, nh→m khi trước đó là nguyên âm “i”, có 7/8 trường hợp, minh họa: *Oundelim* (Ông Đề Linh) (Roiz); *Tunchim* (Đông Kinh) (Borri); *Ondelimbay* (Ông Đề Linh Bấy) (Luis, 1626);...

Ghi “n” khi trước là nó là các nguyên âm “a”, “ã”, “i”. Ví dụ: *cổũ thàn* (Công Thành) (Amaral, 1637); *coũ thàn* (Công Thành) (Amaral, 1632); *xabin* (Xá Bình) (Fontes); *thinhuã* (Thanh Hóa) (Rhodes, 1/1631); *Kin* (Kinh), *bat min* (bất minh) (Rhodes, 1636);...

- **(i, u, ù)**: Ghi “i” có một trường hợp: *Lai* (Lào) (Borri); ghi “u” khi nó trước nó là nguyên âm “a”(cả 7 trường hợp), ví dụ: *tam iau* (tam giáo), *dau thic* (Đạo Thích), *Lautu* (Lão Tử),... (Rhodes, 1636); *bà đạu* (bà đạo), *bõ đạu* (bỏ đạo) (Amaral, 1632). Ghi “ũ” cũng gặp một lần: *taũ* (tao) (Dấu hai chấm (") phía trên đầu các chữ cái như trên gọi là dấu Umlaut, là đặc trưng của một số ngôn ngữ Latin).

- **u (ũ, ù)**: có 2 trường hợp và đều thuộc tài liệu Amaral, 1632: *làng càũ* (làng Cầu), *đậũ xá* (Đậu Xá). Mặc dù có thêm dấu trên bán nguyên âm “u” nhưng cách phân bố “u” sau nguyên âm hàng sau không tròn môi như vậy là chính xác.

- **ch (c, yc)**: “ch” ghi thành “c” gặp 5 lần thì đứng trước nó đều là nguyên âm “i” và gần như

cùng một từ: *dau thic* (Đạo Thích), *Thicca* (Thích Ca), *Thiccá* (Thích Ca) (Rhodes, 1636); Thích ca (Thích Ca), Kê bích (Kê Vích) (Amaral, 1632). Những tài liệu khác ít xuất hiện phụ âm cuối này. Còn ghi thành “yc” thì xuất hiện 3 lần: *Sayc kim* (sách Kinh), *sayc chiu* (sách chữ) (Borri); *huyen bayc hác* (huyện Bạch Hạc) (Amaral, 1632).

- **i (ij, y, ÿ):** Thành “ij” chỉ xuất hiện trong bản của Borri: *doij* (đói), *on saij* (ông sãi), *tuijciam biet* (Tôi chẳng biết). “ij” là một cặp chữ cái được dùng để ký một âm hoặc một kết hợp các âm không tương ứng với từng chữ cái theo thứ tự trong cặp chữ đó. Nó là một cặp chữ cái độc lập trong tiếng Hà Lan. Cuốn sách của Borri cũng được xuất bản ở đây vào năm 1632.

Ghi thành “y” chỉ có trường hợp đó là những âm tiết có vần “ay”, “ây”. Trong ngữ liệu lại: *hoy* (hoi), *đoy* (đời) (Rhodes, 1644); *nhà thượng đày* (nhà thượng đài), *sây uây* (sãi vãi), hội ăn xā (Hội An xā), *huyen uinh lay* (huyện Vĩnh Lại),... (Amaral, 1632). Ghi thành “y” có một trường hợp trong Tài liệu năm 1645: *blöy* (Trời). “y” được xem là bằng với “ij”, sử dụng phần nhiều trong tiếng Hà Lan.

- **y (i, i, ÿ):** Trong đó, thành “i” có đến 14 trường hợp và trước nó đều là nguyên âm “a”, “â”, “u”: *bai via* (bày vĩa), *thai* (thầy) (Rhodes, 1636); *Kể đái* (Kê Đáy), *thải phù thũ* (thầy phù thủy),... (Amaral, 1632);...

- **y→i** (cũng có dấu ̣) có 3 trường hợp: *lây* (lây) (Amaral, 1632); *mây* (mày) (Tài liệu 1645); *bây* (vây) (Tài liệu 1648).

- **y→ÿ** chỉ có một trường hợp: *bây* (bây) (Tài liệu 1645).

Trong ngữ liệu cũng gặp một trường hợp gặp đôi âm chính: *maa* (ma, ma quý), *Chiuua* (Chúa) (Borri).

### 2.3.5. Dấu phụ và thanh điệu

**Dấu phụ** trong 16 bản viết tay không đáng kể, chủ yếu là dấu ̣ xuất hiện nhiều trên chữ cái u (ũ). Nó là ký hiệu ghi nguyên âm mũi. Hay gặp nhất là trong từ “ông”, được ghi là: *oũ*.

Còn có dấu ̣ được ghi trên các con chữ “i”, “y” (“ĩ”, “ỹ”) khi chúng đóng vai trò âm cuối trong âm tiết; trên “u” (“ũ”) trong trường hợp u là âm chính hoặc âm đệm.

Và có dấu ̣ nằm trên “o”, “u” (“ô”, “ơ”) khi 2 con chữ phân bố ở âm chính hoặc âm cuối như những trường hợp cụ thể mà chúng tôi đã nêu trên.

Ngoài ra, còn có dấu ̂ (phụ) và dấu ̃ (nhấn) có xuất hiện nhưng rất hiếm.

Về *thanh điệu*, dù là những tài liệu có chữ CQN xuất hiện đầu tiên nhưng thanh điệu cũng được sử dụng như hiện nay. Bao gồm 6 thanh: ngang, huyền, ngã, hỏi, sắc nặng. Tuy nhiên, vấn đề thanh điệu, A. de Rhodes đã từng nhận xét: “...thanh của mỗi tiếng đôi khi rất nhẹ và khá tế nhị. Do đó, ai muốn tấn tới trong việc học tiếng Việt, phải chu chu chăm chăm mà học, để có thể phân biệt được các thanh” (dẫn theo Đỗ Quang Chính). Chính vì sự khó khăn đó, các thanh trong buổi ban đầu của CQN chưa thực sự hành chức đúng vị trí, vai trò của mình. So với nhiều quy tắc đặt thanh điệu trong tiếng Việt ngày nay thì ngày đó vẫn có sự cách biệt rất lớn. Trong đó, 2 dấu hỏi - ngã bị nhầm lẫn nhiều nhất.

**3.** Chữ Quốc ngữ trong giai đoạn 1620-1650 được thể hiện chủ yếu qua các bản viết tay của các linh mục Dòng Tên đến Việt Nam truyền đạo. Có thể thấy:

**Thứ nhất**, chưa có sự thống nhất trong cách viết cùng một từ ở cùng một tác giả trong cùng một văn bản. Điều này dẫn đến sự bất nhất trong cách viết của cùng một từ ở các tác giả là lẽ hiển nhiên.

**Thứ hai**, sự ảnh hưởng của các dấu phụ trong tiếng Latin tuy không nhiều nhưng vẫn có. Và đến 1651, khi 2 cuốn sách của A. de Rhodes ra đời, dấu phụ ít xuất hiện hơn.

**Thứ ba**, một số ví dụ được lặp lại nhiều lần khi chúng tôi trích dẫn bởi mỗi thành tố của âm tiết lại có những đặc điểm đặc trưng cho thời kỳ đầu của CQN và đương nhiên có sự khác biệt với cách ghi hiện nay.

*Thứ tư*, vấn đề viết hoa tuy không được chú trọng từ đầu nhưng lại có sự cải thiện rõ rệt. Bởi, như đã nói, số từ/ cụm từ trong ngữ liệu khảo sát phần nhiều là danh từ riêng và từ chỉ chức danh.

Cuối cùng, trong những diễn giải của mình, chúng tôi thường có sự so sánh giữa cách viết của A. de Rhodes và G. de Amaral vì công trình của 2 ông có số lượng CQN lớn nhất. Đối với Rhodes, công lao của ông trong tiến trình phát triển của

CQN là rất lớn nhưng ở giai đoạn phôi thai, chúng tôi lại tâm đắc với nhận định trong *Lịch sử chữ Quốc ngữ giai đoạn 1620-1659*: “Trong lời tựa cuốn tự điển của Đắc Lộ xuất bản năm 1651 tại La Mã, chính tác giả đã viết rõ là ông dùng những công khó nhọc của các linh mục Dòng Tên khác, nhất là dùng 2 cuốn tự điển của Amaral và Barbosa để soạn thảo sách đó”.

## Some comments on Quoc-ngu hand-written script by foreigners from 1620 to 1650 cited by Do Quang Chinh

- **Dương Thi My Sa**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

### **ABSTRACT:**

*The Quoc-ngu script was believed to be initially formed from 1620 to 1650. During this period, Quoc-ngu script existed in the hand-written form made by Western commissioners on duty in Vietnam. Researcher Do Quang Chinh collected and restored some of those written texts, which later were published in “History of Quoc-ngu from 1620 to 1659” in*

*1972 in Saigon. Perusing evaluations made by Do Quang Chinh, this paper’s author examines statistics on those first written texts to provide more detailed comments about some aspects of Quoc-ngu in its earliest days such as capitalization, word appearance and the change of syllabic construction.*

**Keywords:** *Quoc-ngu script, written text, change*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Alexandre de Rhodes (1651), *Phép giảng tám ngày*, Tinh Việt văn đoàn xuất bản lại năm 1961 tại Sài Gòn.
- [2]. Alexandre de Rhodes; biên dịch: Thanh Lãng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính (1991), *Từ điển Annam-Lusitan-Latinh* (Thường gọi Từ điển Việt – Bồ – La); Nxb. Khoa học Xã hội.
- [3]. Đỗ Quang Chính (1972), *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620 - 1659*, Nxb. Sài Gòn (Tủ sách Ra khơi).
- [4]. Mai Ngọc Chừ – Vũ Đức Nghiệu – Đoàn Thiện Thuật (2001), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [5]. Trần Trí Dõi, *Vấn đề chữ viết nhìn từ góc độ lịch sử tiếng Việt*, dẫn theo <http://ngonngu.net/index.php?m=print&p=99>
- [6]. Vũ Xuân Hào (2009), *Ngữ âm tiếng Việt*, Trường ĐH Qui Nhơn.
- [7]. Lê Trung Hoa, *Tập bài giảng về Lịch sử chữ Quốc ngữ*, dạy cho sinh viên năm thứ tư chuyên ngành Ngôn ngữ học.
- [8]. Hoàng Thư Ngân, *Hai bước ngoặt trong lịch sử văn hóa Việt*, dẫn theo <http://huc.edu.vn/chitiet/1386/Hai-buoc-ngoat-trong-lich-su-van-hoa-Viet.html>
- [9]. Vũ Đức Nghiệu (2012), bài viết “Ba tổ hợp phụ âm bl, ml, tl trong một số văn bản chữ Quốc ngữ thế kỷ XVII, XVIII, XIX”, Kỷ yếu hội thảo Quốc tế lần thứ tư: Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững Thành phố Hà Nội, tr. 867-881.
- [10]. Đoàn Thiện Thuật (2003), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.